

Việt-nam đề xin ghi chú vào sổ hộ tịch của ta ở trang đã đăng ký việc sinh hay đăng ký việc kết hôn của đương sự, khi họ còn ở Việt-nam. Có nơi đã tự động giải quyết bằng cách cho đăng ký những việc hộ tịch ấy vào sổ hộ tịch đương niên của địa phương rồi gửi giấy chứng nhận về Bộ Ngoại giao, không báo cáo cho Bộ Nội vụ biết. Có nơi thì xin ý kiến Bộ Nội vụ. Có nơi thì mặc dầu đã nhận được công văn của Bộ Ngoại giao nhưng vẫn chưa làm gì cả, chưa hỏi ý kiến Bộ Nội vụ mà cũng chưa trả lời Bộ Ngoại giao v.v... Nói chung hầu hết các địa phương đều lúng túng chưa biết giải quyết việc ghi chú này ra sao.

Để giải quyết những việc ghi chú này, sau khi đã trao đổi và thống nhất ý kiến với các Bộ Ngoại giao và Tư pháp, Bộ quy định tạm thời như sau:

Đối với những việc xin ghi chú của Việt kiều và của Pháp kiều, Bộ thấy có 2 trường hợp:

1. Trường hợp còn sổ hộ tịch cũ thì khi nhận được công văn của Bộ Ngoại giao, Ủy ban Hành chính địa phương sẽ ghi chú theo cách thức dưới đây:

a) Nếu là giấy báo một việc đăng ký kết hôn thì ghi chú vào trang đã đăng ký việc sinh của đương sự ở chỗ chú thích là: «Đã kết hôn với ông (hay bà) .. ngày... tháng... năm... tại... theo công văn số... ngày... tháng... năm... của Bộ Ngoại giao».

b) Nếu là giấy báo một việc đăng ký khai tử, thì cũng ghi chú sự việc này vào trang đã đăng ký việc sinh của người chết.

c) Nếu là giấy báo một án ly hôn thì ghi chú sự việc này vào trang đã đăng ký việc sinh và trang đã đăng ký việc kết hôn của những người đã được Tòa án cho ly hôn.

Trường hợp các đương sự có xin cấp trích lục mới thì khi cấp đều phải ghi cả điều chú thích nói trên.

2. Trường hợp không còn sổ sách hộ tịch cũ thì không thể ghi chú gì được, nhưng cũng phải báo cáo cho Bộ Ngoại giao biết.

Riêng đối với Việt kiều thì trong cả 2 trường hợp nói trên, còn sổ sách hộ tịch cũ hay không còn nữa, cũng đều phải báo cho thân nhân họ biết.

Trong tất cả các trường hợp nói trên, các Ủy ban hành chính khi giải quyết không trả lời thẳng cho đương sự hoặc các cơ quan của Pháp mà nhất thiết phải báo cáo cho Bộ Ngoại giao để Bộ Ngoại giao làm các thủ tục cần thiết, đồng thời gửi cho Bộ Nội vụ 1 bản sao công văn hay phiếu gửi để Bộ nắm và theo dõi được tình hình. Nếu

cần thu tiền về việc cấp trích lục thì cũng nên tin luôn cho Bộ Ngoại giao để Bộ Ngoại giao thu hộ.

Hà nội, ngày 24 tháng 2 năm 1959

K. T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thủ trưởng

TÔ QUANG ĐẦU

NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT NAM

NGHỊ ĐỊNH số 30 VP-NgĐ ngày 26-2-1959 thành lập Kho phát hành Kiến an.

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT NAM

Chiếu sắc lệnh số 15/SL ngày 6-5-1951 thiết lập Ngân hàng quốc gia Việt nam;

Chiếu nghị định số 94-TTg ngày 27-5-1951 của Thủ tướng Chính phủ ấn định chi tiết tổ chức Ngân hàng quốc gia Việt nam;

Xét nhu cầu công tác:

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay thành lập Kho phát hành Kiến an kể từ ngày 1 tháng 3 năm 1959.

Điều 2. — Cử ông Trưởng Chi nhánh Ngân hàng Kiến an kiêm chủ nhiệm Kho phát hành Kiến an.

Điều 3. — Các ông Chánh văn phòng, Chủ nhiệm Tổng Kho phát hành Ngân hàng quốc gia Việt nam và ông Trưởng Chi nhánh Ngân hàng Kiến an chiểu nghị định thi hành.

Hà nội, ngày 26 tháng 2 năm 1959

Tổng giám đốc

Ngân hàng quốc gia Việt nam

LÊ VIỆT LƯỢNG

NGHỊ ĐỊNH số 31-VP/NgĐ ngày 26-2-1959 ban hành biện pháp tạm thời cho các xí nghiệp quốc doanh vay trong định mức tiêu chuẩn vốn lưu động.

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT NAM

Căn cứ sắc lệnh số 15-SL ngày 6 tháng 5 năm 1951 thành lập Ngân hàng Quốc gia Việt nam;

Thi hành quyết định số 130-TTg ngày 4 tháng 4 năm 1957 của Thủ tướng Chính phủ về việc thi hành từng bước chế độ hạch toán kinh tế để tăng cường công việc quản lý kinh doanh của các xí nghiệp quốc doanh, giao cho Ngân hàng phải xây dựng các chế độ cho vay ngắn hạn đối với các ngành kinh tế quốc dân;